

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2025/HS-ST
Ngày 26 tháng 02 năm 2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thanh Hương

Ông Phan Duy Lục

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 86/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. **Phạm Duy T**, sinh ngày 25 tháng 9 năm 1995; Trú tại: Thôn Đ, xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C, sinh năm 1966 và bà Lê Thị V, sinh năm 1972; Vợ: Nguyễn Thị N sinh năm 1998 (là bị cáo trong cùng vụ án); Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2021); Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được tại ngoại, đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Thị N** (Vợ bị cáo T), tên gọi khác: Không, sinh ngày 13 tháng 10 năm 1998; Trú tại: Thôn Đ, xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T1, sinh năm 1974 và bà Ngô Thị N1, sinh năm 1977; Chồng: Phạm Duy T; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2021); Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được tại ngoại, đến nay có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Hoàng Xuân D, sinh năm 1988; Trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (Vắng mặt);

2. Công ty TNHH T4; Địa chỉ: Số G, ngõ B, đường Q, tổ H, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Vũ Thu H - Luật sư/giám đốc; Địa chỉ: Số nhà E, CT7J, tổ dân phố số A, phường D, quận H, thành phố Hà Nội, (Có mặt);

Người làm chứng: Anh Dương Quốc A, sinh năm 1999; Địa chỉ: Phường C, quận B, thành phố Hà Nội, (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng giữa tháng 6 năm 2022, Nguyễn Thị N sinh năm 1998 và Phạm Duy T sinh năm 1995 (là chồng của N) đều trú tại: thôn Đ, xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc bắt đầu kinh doanh buôn bán điện thoại, phụ kiện điện thoại. Trong quá trình kinh doanh, N và T nhận thấy thị trường có thể tiêu thụ nhiều điện thoại NOKIA loại 105 Dual SIM nên T và N đã nảy sinh ý định tìm mua điện thoại NOKIA loại 105 Dual SIM giả về bán kiếm lời. Sau đó, T đã lên mạng xã hội tìm mua và gom được một số lượng lớn điện thoại NOKIA loại 105 Dual SIM giả qua nhiều tài khoản khác nhau trên mạng xã hội Facebook và zalo với giá 100.000đ/1 sản phẩm bao gồm vỏ hộp, điện thoại, pin, sạc (T không nhớ thông tin các tài khoản Facebook và zalo mà T đã đặt mua điện thoại NOKIA loại 105 Dual SIM giả). Sau khi mua được điện thoại NOKIA loại 105 Dual SIM giả thì T cất giấu ở nhà chờ khi nào có người hỏi mua thì bán kiếm lời. Việc rao bán, quảng cáo hàng là do N thực hiện bằng cách đăng bài trên mạng xã hội Facebook, Z.

Sau khi N đăng các bài viết rao bán, quảng cáo hàng trên mạng xã hội Facebook, Zalo thì khoảng 08 giờ 30 phút ngày 14/10/2022, N nhận tin nhắn và cuộc gọi từ tài khoản zalo “Michael Dương” của Hoàng Xuân D sinh năm 1988, trú tại thôn Đ, xã T, huyện V nhắn tin, gọi điện vào tài khoản zalo “Phụ kiện Dt Nguyệt T” của N. Qua điện thoại, D hỏi mua của N 200 sản phẩm điện thoại NOKIA 105 Dual SIM. Do có sẵn số lượng điện thoại NOKIA 105 Dual SIM giả tại nhà nên N đồng ý bán cho D và thỏa thuận với giá 1 bộ sản phẩm điện thoại (bao gồm: 01 chiếc điện thoại giả NOKIA 105 Dual SIM, 01 sạc, 01 pin, 01 vỏ hộp) là 180.000đ, tổng 200 sản phẩm điện thoại NOKIA 105 Dual SIM là 36.000.000đ. Khi thỏa thuận bán điện thoại cho D thì N không nói cho D biết điện thoại NOKIA 105 Dual SIM mà N bán cho D là hàng giả. D đồng ý và hẹn N khoảng 30 phút sau sẽ đến nhà ở của N và T ở thôn Đ, xã V để giao dịch. Sau đó, N và T cùng nhau sắp xếp, đóng gói hàng gồm

200 chiếc điện thoại NOKIA 105 Dual SIM giả cùng phụ kiện kèm theo là sạc, pin, vỏ hộp mang nhãn hiệu NOKIA đều là hàng giả vào thùng xốp và túi nilon để bán cho D. Đến khoảng 09 giờ 45 phút, cùng ngày N và T thấy D đi xe mô tô cùng anh Dương Quốc A sinh năm 1999, trú tại phường C, quận B, thành phố Hà Nội đến nhà T. Thấy vậy, T bê thùng xốp chứa 200 chiếc máy điện thoại NOKIA 105 Dual SIM giả, 200 quả pin, 51 chiếc sạc và 200 vỏ hộp ra sân và chưa kịp lấy nốt 149 chiếc sạc ra để bán cho D thì đúng lúc này lực lượng Công an huyện V đang làm nhiệm vụ, kiểm tra phát hiện N và T đang có hành vi buôn bán hàng giả là sản phẩm điện thoại NOKIA 105 Dual SIM giả cho Hoàng Xuân D. Lực lượng Công an huyện V đã tiến hành lập biên bản sự việc và thu giữ các vật chứng gồm:

- + 200 Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại 105 Dual SIM (không có pin, không có hộp) được niêm phong trong thùng cát tông ký hiệu A1;
- + 200 Pin điện thoại được niêm phong trong thùng cát tông ký hiệu A2;
- + 51 Sạc điện thoại được niêm phong trong thùng cát tông ký hiệu A3;
- + 200 Vỏ giấy được thiết kế thành hình dạng để gập thành hộp đựng điện thoại được niêm phong trong thùng cát tông ký hiệu A4;

- + 01 tờ hóa đơn bán hàng được niêm phong trong 01 phong bì thư ký hiệu A5;
- + Tạm giữ của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 PRO Max màu đen, đã cũ, bên trong lắp sim thuê bao 0346.201.000. T khai nhận đây là chiếc điện thoại di động trọng sử dụng để liên hệ mua điện thoại NOKIA loại 105 Dual SIM giả.

- + Tạm giữ của N 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 PRO Max màu đen, đã cũ, bên trong lắp sim thuê bao 0394.268.274. N khai nhận đây là chiếc điện thoại N sử dụng để đăng bài quảng cáo, giao bán điện thoại NOKIA loại 105 Dual SIM giả trên mạng xã hội.

- + Tạm giữ của D 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS Max màu vàng, đã cũ, bên trong lắp sim thuê bao 0347.604.825.

- Quá trình làm việc, Phạm Duy T và Nguyễn Thị N đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan Công an các vật chứng, gồm:

- + 30 Hộp giấy chứa điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại 105 Dual SIM bên trong mỗi hộp chứa 01 điện thoại di động, 01 Pin, 01 Sạc, được niêm phong trong thùng cát tông ký hiệu B1;

- + 50 hộp chứa điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại 106 Dual SIM bên trong mỗi hộp chứa 01 điện thoại di động, 01 Pin, 01 Sạc, 01 tờ giấy hướng dẫn sử dụng được niêm phong trong thùng cát tông ký hiệu B2

- + 140 Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại 105 Dual SIM (không có Pin, không có hộp) được niêm phong trong thùng cát tông ký hiệu B3;
- + 200 Pin điện thoại được niêm phong trong thùng cát tông ký hiệu B4;
- + 390 Sạc điện thoại được niêm phong trong thùng cát tông ký hiệu B5;
- + 40 Vỏ giấy được thiết kế thành hình dạng để gập thành hộp đựng điện thoại được niêm phong trong thùng cát tông ký hiệu B6.

Quá trình điều tra xác định Công ty TNHH T4, địa chỉ: số G, ngõ B, đường Q, tổ H, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội là đại diện được N3 ủy quyền tham gia các hoạt động pháp lý liên quan đến chống hàng giả, xâm phạm sở hữu công nghiệp tại Việt Nam. Nhãn hiệu NOKIA được đăng ký trên Đăng bạ quốc gia nhãn hiệu hàng hóa tại Cục Sở hữu công nghiệp - Bộ K và công nghệ từ ngày 03/04/1999 có hiệu lực đến ngày 03/04/2029. Quá trình làm việc với Công ty TNHH T4 xác định, N3 không sản xuất hay phân phối, cũng như không cấp phép cho bất kỳ bên thứ ba nào tại Việt Nam để sản xuất, phân phối các sản phẩm điện thoại NOKIA 105 Dual Sim và 106 Dual Sim kể từ ngày 01/07/2021; N2 không có bất kỳ mối liên hệ đại lý, nhà phân phối hay điểm bán lẻ đối với Phạm Duy T và Nguyễn Thị N.

Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã tiến hành mở niêm phong, trích mẫu điện thoại, pin, sạc đối với từng tang vật thu giữ nêu trên để tiến hành giám định và đã làm việc với Công ty TNHH T4 là đại diện sở hữu công nghiệp cho nhãn hiệu NOKIA tại Việt Nam để thu thập mẫu điện thoại NOKIA 105 Dual SIM và NOKIA 106 Dual SIM thật do Nokia Corporation sản xuất, phân phối tại Việt Nam cùng tài liệu có liên quan. Quá trình làm việc, Công ty TNHH T4 đã cung cấp cho Cơ quan điều tra 01 sản phẩm điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại 105 Dual sim (gồm vỏ hộp, bên trong có 01 điện thoại di động màu xanh không có pin, 01 pin, 01 sạc và 01 tờ giấy hướng dẫn sử dụng in tiếng Việt); 01 sản phẩm điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại 105 Dual sim (gồm vỏ hộp, bên trong có 01 điện thoại di động màu đen không có pin, 01 pin, 01 sạc và 01 tờ giấy hướng dẫn sử dụng in tiếng Việt); 01 Pin điện thoại kích thước (53x33x05)mm, in nhãn hiệu NOKIA và 01 Sạc điện thoại gồm 01 củ sạc in chìm nhãn hiệu NOKIA và dây sạc gắn liền là các hàng thật do NOKIA sản xuất và cung cấp thông tin về việc hãng điện thoại N3 không sản xuất hay phân phối mẫu điện thoại NOKIA 106 Dual SIM tại Việt Nam nên không có mẫu hàng thật để cung cấp cho Cơ quan điều tra mà chỉ có thể cung cấp bảng thông số kỹ thuật, hình ảnh của sản phẩm điện thoại NOKIA 106 Dual SIM được trích từ website chính thức của N3 (<https://www.nokia.com/phones>)

Ngày 03/11/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện V ra Quyết định trưng cầu giám định số 606 trưng cầu V1 Bộ C2 giám định đối với mẫu điện thoại NOKIA 105 Dual SIM trích từ các mẫu ký hiệu A1, B1, B3 thu giữ của Phạm Duy T và Nguyễn Thị N có ký hiệu lần lượt là C1, C2, C3 so với mẫu hàng thật do Công ty TNHH T4 cung cấp là hàng thật hay hàng giả?

Tại bản Kết luận giám định số 7472/KL-KTHS ngày 25/7/2023 của V1 Bộ C2, kết luận: “Các mẫu điện thoại cần giám định không phải là điện thoại do hãng NOKIA sản xuất”.

Ngày 08/8/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện V có văn bản số 461 đề nghị V1 Bộ C2 giải thích rõ nội dung kết luận giám định theo nội dung đã trưng cầu giám định, cụ thể: Mẫu điện thoại C1, C2, C3 gửi giám định có phải là hàng giả không?

Ngày 08/9/2023, V1 Bộ C2 ra Văn bản số 2509/C09-P6 v/v giải thích nội dung kết luận tại Kết luận giám định số 7472/KL-KTHS ngày 25/7/2023, xác định: Các mẫu điện thoại gửi giám định nêu trên là hàng giả.

Ngày 30/8/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện V ra Quyết định trưng cầu giám định số 468 trưng cầu Viện Khoa học Sở hữu trí tuệ - Bộ K và Công nghệ giám định sở hữu công nghiệp đối với mẫu vật là điện thoại nhãn hiệu NOKIA 105 Dual Sim và các phụ kiện đi kèm đã thu giữ trong vụ việc.

Tại bản Kết luận giám định số NH736-23TC.TP/KLGD ngày 29/9/2023 của V2 trí tuệ - Bộ K và Công nghệ, kết luận:

“1. Sản phẩm điện thoại di động model TA-1174 gắn dấu hiệu “NOKIA” - như tại M và Tài liệu 1 - là hàng hóa giả mạo đối với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCN ĐKNH số 13291 cho sản phẩm thiết bị và dụng cụ dùng trong trao đổi đàm thoại - Nhóm 09 của Nokia C1 (theo Điều 213.2 Luật SHTT);

2. Sản phẩm bộ điện thoại di động model TA-1174 gắn dấu hiệu “NOKIA” - như tại M và Tài liệu 2 - là hàng hóa giả mạo đối với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCN ĐKNH số 13291 cho sản phẩm thiết bị và dụng cụ dùng trong trao đổi đàm thoại - Nhóm 09 của Nokia C1 (theo Điều 213.2 Luật SHTT);

3. Sản phẩm bộ củ sạc điện thoại di động gắn dấu hiệu “NOKIA” - như tại Mẫu 3 và Tài liệu 3 - là hàng hóa giả mạo đối với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCN ĐKNH số 13291 cho sản phẩm thiết bị và dụng cụ dùng trong trao đổi đàm thoại - Nhóm 09 của Nokia C1 (theo Điều 213.2 Luật SHTT);

4. Sản phẩm pin điện thoại gắn dấu hiệu “NOKIA” - như tại M và Tài liệu 4 - là hàng hóa giả mạo đối với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCN ĐKNH số 13291

cho sản phẩm thiết bị và dụng cụ dùng trong trao đổi đàm thoại - Nhóm 09 của Nokia C1 (theo Điều 213.2 Luật SHTT) ”.

Ngày 03/11/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện V ra Quyết định trưng cầu giám định số 605 trưng cầu V1 Bộ C2 giám định đối với mẫu pin, sạc trích từ mẫu có ký hiệu A2, B4, A3, B5 thu giữ của T, N có ký hiệu lần lượt là C4, C5, C6, C7 so với mẫu pin, sạc đi kèm với sản phẩm NOKIA 105 Dual SIM thật do Công ty TNHH T4 cung cấp có cùng thông số kỹ thuật hay không.

Tại bản Kết luận giám định số 7476/KL-KTHS ngày 15/11/2022 của V1 Bộ C2, kết luận:

- 02 quả pin ký hiệu C4 và 02 quả pin ký hiệu C5 gửi giám định đều khác về cấu tạo và thông số với quả pin ký hiệu M4;

- 02 sạc điện thoại ký hiệu C6 và 02 sạc điện thoại ký hiệu C7 gửi giám định đều khác về cấu tạo và thông số với sạc điện thoại ký hiệu M5.

Ngày 03/11/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 607 trưng cầu V1 Bộ C2 giám định đối với mẫu điện thoại NOKIA 106 Dual SIM là hàng thật hay hàng giả.

Tại bản Kết luận giám định số 7470/KL-KTHS ngày 16/01/2023 của V1 Bộ C2, kết luận: “Không xác định được 02 (hai) điện thoại gửi giám định có phải là điện thoại do hãng N3 sản xuất hay không (do không có mẫu điện thoại so sánh giám định)”.

Ngày 10/6/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện V có công văn số 1040 đề nghị V1 Bộ C2 trả lời: Có thể sử dụng nội dung thông số kỹ thuật của sản phẩm NOKIA 106 Dual SIM thật để giám định và xác định các điện thoại mẫu gửi giám định trong quyết định trưng cầu số 607/QĐ-KTMT ngày 03/11/2022 của phải điện thoại do chính hãng N3 sản xuất hay không?

Ngày 21/6/2024, V1 Bộ C2 ra Văn bản số 1815/C09-P6 về việc trả lời yêu cầu giám định, xác định: Sử dụng thông tin của tài liệu V1 (Văn bản số 2810/THB-CAVT ngày 28/01/2022 của Công ty TNHH T4) và tài liệu V2 (Hình ảnh, bảng thông số kỹ thuật của sản phẩm điện thoại NOKIA 106 2G do Công ty TNHH T4 cung cấp) không xác định được 02 (hai) điện thoại mẫu cần giám định trong Quyết định trưng cầu số 607/QĐ-KTMT đề ngày 03/11/2022 có phải điện thoại do hãng N3 sản xuất hay không.

Ngày 23/8/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện V ra Yêu cầu định giá tài sản số 652/YC-ĐCSKT-MT yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V định giá tài sản là 340 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 Dual

SIM, 400 pin điện thoại, 441 sạc và 30 hộp giấy đựng điện thoại in nhãn hiệu NOKIA 105 Dual SIM, bên trong mỗi hộp đều có: 01 điện thoại di động màu xanh, 01 pin, 01 sạc đã thu giữ của T, N.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 81/KL-HĐĐGTTTHS ngày 24/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V, kết luận: Tổng giá trị của các tài sản nêu trên là 91.125.000đ (Chín mươi một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn).

Ngày 01/7/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện V ra Yêu cầu định giá tài sản số 3028/YC-ĐCSKT-MT yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V định giá tài sản là 240 chiếc vỏ hộp in nhãn hiệu NOKIA đã thu giữ của T, N.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 55/KL-HĐĐGTTTHS ngày 02/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V, kết luận: Tổng giá trị của các tài sản nêu trên là 23.800đ (Hai mươi ba nghìn tám trăm đồng).

Cơ quan điều tra đã thông báo nội dung các bản kết luận giám định, định giá nêu trên cho Phạm Duy T, Nguyễn Thị N và đại diện Công ty TNHH T4 biết. Sau khi được thông báo thì tất cả đều đồng ý, không ai có ý kiến, thắc mắc gì.

Tại cơ quan điều tra, Phạm Duy T, Nguyễn Thị N đã khai nhận toàn bộ hành vi buôn bán hàng giả là sản phẩm điện thoại NOKIA 105 Dual SIM như đã nêu trên. Riêng đối với sản phẩm điện thoại NOKIA 106 Dual SIM thì T và N trình bày không biết có phải là điện thoại giả hay không vì số điện thoại NOKIA 106 Dual SIM do T đặt mua trên mạng xã hội với giá của 01 sản phẩm điện thoại nhãn hiệu NOKIA 106 Dual Sim đầy đủ là 130.000đ, T đặt mua 50 sản phẩm hết số tiền 6.550.000đ (bao gồm 50.000đ tiền vận chuyển). Khi nhận hàng và xem hàng thì T thấy có 50 hộp giấy in nhãn hiệu NOKIA 106 Dual Sim được đóng sẵn bên trong mỗi hộp chứa 01 điện thoại di động, 01 pin, 01 sạc. T và N nghĩ rằng số điện thoại nhãn hiệu NOKIA 106 Dual Sim này là hàng hóa nhập lậu, chứ không phải là hàng giả. Lời khai của T và N phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Về nguồn gốc số hàng điện thoại di động NOKIA 105 Dual SIM giả: Quá trình điều tra T khai nhận T là người liên hệ mua hàng giả qua mạng xã hội facebook và zalo nhưng do sợ bị người khác phát hiện nên mỗi lần mua hàng giả xong thì T đều xóa hết nội dung trao đổi với người bán hàng nên trong điện thoại không còn lưu thông tin gì của người bán, khi mua hàng giả thì T đều thanh toán bằng tiền mặt khi có người đến giao hàng. Do vậy, Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra,

xác minh ai là người đã sản xuất và bán số hàng NOKIA 105 Dual SIM giả nêu trên cho T.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Duy T và Nguyễn Thị N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Cáo trạng số 91/CT-VKSVT ngày 06/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường đã truy tố các bị cáo Phạm Duy T và Nguyễn Thị N về tội “*Buôn bán hàng giả*”, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 192 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Duy T và Nguyễn Thị N phạm tội “*Buôn bán hàng giả*”, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 192 Bộ luật hình sự.

Áp dụng điểm a khoản 1 điều 192, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Duy T từ 02 năm tù đến 02 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị N từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao các bị cáo được hưởng án treo cho UBND xã nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian được hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 192 Bộ luật Hình sự: Phạt các bị cáo Phạm Duy T và Nguyễn Thị N, mỗi bị cáo từ 30.000.000đồng đến 40.000.000đồng sung ngân sách Nhà nước. Đồng thời yêu cầu xử lý vật chứng của vụ án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố và không có lời bào chữa nào khác. Xét lời nhận tội của các bị

cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, từ đó có đủ cơ sở để kết luận: Do muốn kiếm được nhiều lợi nhuận trong việc kinh doanh, buôn bán nên Phạm Duy T và Nguyễn Thị N đã cùng nhau bàn bạc mua sản phẩm điện thoại NOKIA loại 105 Dual Sim giả về bán kiếm lời. Sau đó, T lên mạng xã hội tìm mua được 340 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại 105 Dual Sim, không kèm pin, sạc, vỏ hộp; 30 sản phẩm điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại 105 Dual Sim hoàn chỉnh gồm vỏ hộp, pin, sạc; 400 Chiếc pin nhãn hiệu NOKIA; 441 Chiếc sạc điện thoại nhãn hiệu NOKIA; 240 Chiếc vỏ hộp in nhãn hiệu NOKIA 105 Dual Sim đều là hàng giả sản phẩm của N3, không phải do NOKIA sản xuất. Tổng giá trị hàng giả là 91.148.800đ. Sau khi mua được số hàng giả nêu trên, T mang về cất giấu ở trong nhà với mục đích để N đăng bài quảng cáo và giao bán các sản phẩm điện thoại NOKIA loại 105 Dual Sim là hàng giả này trên mạng xã hội Zalo, Facebook. Sau khi N đăng bài giao bán điện thoại thì khoảng 08 giờ 30 ngày 14/10/2022 anh Hoàng Xuân D, sinh năm 1988, trú tại xã T, huyện V đã liên hệ qua tài khoản zalo hỏi mua của N 200 sản phẩm NOKIA loại 105 Dual Sim. N đồng ý bán cho anh D với giá 180.000đ/1 sản phẩm NOKIA loại 105 Dual Sim đầy đủ (gồm: vỏ hộp và 01 điện thoại không có pin, 01 pin, 01 sạc) và hẹn anh D đến nhà N ở thôn Đ, xã V, huyện V để giao dịch. Đến khoảng 09 giờ 50 phút cùng ngày, khi T, N đang giao dịch bán 200 sản phẩm điện thoại NOKIA loại 105 Dual Sim giả cho anh D thì lực lượng Công an huyện V đang làm nhiệm vụ, kiểm tra, phát hiện T và N có hành vi buôn bán hàng giả. Vật chứng thu giữ gồm: 340 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại 105 Dual Sim, không kèm pin, sạc, vỏ hộp; 30 sản phẩm điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại 105 Dual Sim hoàn chỉnh gồm vỏ hộp, pin, sạc; 400 Chiếc pin nhãn hiệu NOKIA; 441 Chiếc sạc điện thoại nhãn hiệu NOKIA; 240 Chiếc vỏ hộp in nhãn hiệu NOKIA 105 Dual Sim. Tạm giữ của Phạm Duy T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 PRO Max màu đen, đã cũ, bên trong lắp sim thuê bao 0346.201.000 và tạm giữ của Nguyễn Thị N 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 PRO Max màu đen, đã cũ, bên trong lắp sim thuê bao 0394.268.274.

Hành vi như đã nêu trên của Phạm Duy T và Nguyễn Thị N đã phạm vào tội “*Buôn bán hàng giả*” Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 192 Bộ luật hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 192 Bộ luật hình sự, quy định:

“1. Người nào ... buôn bán hàng giả thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 193, 194 và 195 của Bộ luật này,

thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật ...trị giá từ 30.000.000 đồng đến dưới 150.000.000 đồng...”

Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường truy tố các bị cáo Phạm Duy T và Nguyễn Thị N về tội “Buôn bán hàng giả” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 192 Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động quản lý thị trường của Nhà nước đối với việc sản xuất, kinh doanh, buôn bán các loại hàng hóa được phép sản xuất, kinh doanh, buôn bán, sử dụng trên thị trường, đồng thời xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người sản xuất, kinh doanh hàng hóa và người tiêu dùng, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý các bị cáo thật nghiêm trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn bởi lẽ hai bị cáo là vợ chồng của nhau, trong đó Phạm Duy T và Nguyễn Thị N đều tham gia với vai trò là người thực hành tích cực, trong đó bị cáo Phạm Duy T là người tìm mua các sản phẩm là điện thoại di động NOKIA 105 Dual Sim giả về để cho bị cáo Nguyễn Thị N đăng bán trên mạng xã hội zalo, facebook.

[5]. Xét nhân thân của các bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Các bị cáo Phạm Duy T và Nguyễn Thị N đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định của BLHS. Trước khi phạm tội đều là những người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự gì. Quá trình điều tra các bị cáo Phạm Duy T và Nguyễn Thị N đã tự nguyện bồi thường thiệt hại trong hoạt động kinh doanh do hành vi buôn bán hàng giả của T và N gây ra cho N3 số tiền 50.000.000đ và Đại diện NOKIA Corporation xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bản thân các bị cáo tại phiên tòa cũng như tại cơ quan điều tra đều đã “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội” nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy các bị cáo Phạm Duy T và Nguyễn Thị N phạm tội nghiêm trọng nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bản thân các bị cáo đều là những công dân có nơi cư trú và lý lịch rõ ràng, trước khi phạm tội có nhân thân tốt nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải buộc các bị cáo chấp hành hình phạt tù tại trại giam mà cho các bị cáo được hưởng mức án tù cho hưởng án treo và giao các bị cáo cho chính

quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ giúp các bị cáo cải tạo, rèn luyện bản thân, phấn đấu trở thành công dân có ích cho xã hội, điều đó cũng cho thấy sự khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo. Về hình phạt chính theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 4 Điều 192 Bộ luật hình sự có quy định về hình phạt bổ sung “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền 20 triệu đồng đến 50 triệu đồng...”. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định các bị cáo đều là người lao động tự do, có thu nhập nên cần phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo để sung quỹ Nhà nước. Tuy nhiên do các bị cáo là vợ chồng trong một gai đình còn đang nuôi 02 con nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chỉ cần phạt tiền đối với mỗi bị 20 triệu đồng là phù hợp.

[7]. Về các vấn đề khác: Đối với Hoàng Xuân D quá trình điều tra xác định bản thân D chỉ có mục đích mua điện thoại NOKIA 105 Dual SIM về để kinh doanh. D không có mục đích mua điện thoại NOKIA 105 Dual SIM giả về để bán. Khi tìm hiểu và được biết N có bán điện thoại NOKIA 105 Dual SIM nên D đã liên hệ và hỏi mua điện thoại của N. D không biết số hàng điện thoại NOKIA 105 Dual SIM mà N đồng ý bán cho D là hàng giả, mặt khác việc giao dịch mua bán giữa D với N và T chưa được thực hiện xong. Do vậy hành vi của Hoàng Xuân D không vi phạm pháp luật nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[8]. Về trách nhiệm dân sự. Quá trình điều tra, Phạm Duy T và Nguyễn Thị N đã tự nguyện bồi thường thiệt hại trong hoạt động kinh doanh do hành vi buôn bán hàng giả của T và N gây ra cho N3 số tiền 50.000.000đ. Ông Vũ Viết T3 nhân viên Công ty TNHH T4 (đại diện của NOKIA Corporation) đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu T, N phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. Về vật chứng của vụ án:

Đối với 340 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại 105 Dual Sim, không kèm pin, sạc, vỏ hộp; 30 sản phẩm điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại 105 Dual Sim hoàn chỉnh (gồm: 01 điện thoại, 01 pin, 01 sạc và vỏ hộp); 400 quả pin nhãn hiệu NOKIA; 441 Chiếc sạc điện thoại nhãn hiệu NOKIA; 240 Chiếc vỏ giấy in nhãn hiệu NOKIA 105 Dual Sim. Quá trình điều tra xác định đều là hàng giả, không được phép buôn bán, lưu hành trên thị trường nên cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định.

Đối với 50 sản phẩm điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại 106 Dual Sim hoàn chỉnh (gồm: 01 điện thoại, 01 pin, 01 sạc và vỏ hộp), quá trình điều tra Công

ty TNHH T4 (đại diện của N3 tại Việt Nam) cung cấp: N3 không sản xuất hay phân phối sản phẩm điện thoại di động Nokia loại 106 dual Sim tại Việt Nam mà chỉ sản xuất, phân phối tại thị trường nước khác. Cơ quan điều tra đã tiến hành Trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ C2 giám định đối với mẫu điện thoại NOKIA 106 Dual SIM để xác định có phải là hàng giả hay không. Tại bản kết luận giám định số 7470/KL-KTHS của V1 Bộ C2 kết luận: “Không xác định được 02 (hai) điện thoại gửi giám định có phải là điện thoại do hãng N3 sản xuất hay không (do không có mẫu điện thoại so sánh giám định)”. Do vậy, Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xác định số điện thoại NOKIA 106 Dual thu giữ của T và N có phải hàng giả hay không nên không có cơ sở để xem xét xử lý. Tuy nhiên, hành vi buôn bán điện thoại nhãn hiệu Nokia loại 106 dual Sim của T và N là hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại được quy định tại Nghị định 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc thẩm quyền xử lý của Công an huyện V nên Cơ quan điều tra chuyển toàn bộ tang vật tạm giữ là số điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại 106 dual Sim cùng tài liệu có liên quan đến Công an huyện V để xác minh, xử lý theo quy định là phù hợp.

Đối với 01 sản phẩm điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại 105 Dual sim (gồm vỏ hộp, bên trong có 01 điện thoại di động màu xanh không có pin, 01 pin, 01 sạc và 01 tờ giấy hướng dẫn sử dụng in tiếng Việt); 01 sản phẩm điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại 105 Dual sim (gồm vỏ hộp, bên trong có 01 điện thoại di động màu đen không có pin, 01 pin, 01 sạc và 01 tờ giấy hướng dẫn sử dụng in tiếng Việt); 01 Pin điện thoại kích thước (53x33x05)mm, in nhãn hiệu NOKIA và 01 Sạc điện thoại gồm 01 củ sạc in chìm nhãn hiệu NOKIA và dây sạc gắn liền do Công ty TNHH T4 (đại diện bảo vệ sở hữu công nghiệp của N3 tại Việt Nam) giao nộp cho Cơ quan điều tra để phục vụ việc giám định. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của Công ty TNHH T4. Do vậy Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Công ty TNHH T4 các tài sản nêu trên. Nhận lại tài sản, bà Vũ Thị H1 - Giám đốc Công ty TNHH T4 không có yêu cầu, đề nghị gì.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS Max màu vàng, đã cũ, bên trong lắp sim thuê bao 0347.604.825 tạm giữ của Hoàng Xuân D. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của D, ngày 14/10/2022, D đã sử dụng chiếc điện thoại này để nhắn tin, gọi điện qua mạng xã hội Zalo với N để hỏi mua điện thoại di động NOKIA loại 105 Dual sim của N. Tuy nhiên, khi hỏi mua điện thoại của N thì D không có mục đích mua điện thoại giả và D cũng không biết điện thoại

mà N đồng ý bán cho D là điện thoại giả. Do vậy, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho D chiếc điện thoại và sim thuê bao nêu trên. Nhận lại tài sản D không có yêu cầu đề nghị gì.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 PRO Max màu đen, đã cũ, bên trong lắp sim thuê bao 0346.201.000 tạm giữ của Phạm Duy T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 PRO Max màu đen, đã cũ, bên trong lắp sim thuê bao 0394.268.274 tạm giữ của Nguyễn Thị N. Quá trình điều tra xác định đều là tài sản hợp pháp của T và N. Tuy nhiên, T và N đã sử dụng điện thoại và sim thuê bao nêu trên làm phương tiện để liên hệ buôn bán sản phẩm NOKIA loại 105 Dual sim giả. Do vậy, cần tịch thu phát mại sung vào Ngân sách Nhà nước đối với 02 chiếc điện thoại di động và tiêu hủy đối với 02 sim thuê bao nêu trên do không có giá trị sử dụng.

[10]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Duy T và Nguyễn Thị N phạm tội “*Buôn bán hàng giả*”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 192; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Phạm Duy T 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Phạm Duy T và Nguyễn Thị N cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 192 Bộ luật Hình sự: Phạt các bị cáo Phạm Duy T và Nguyễn Thị N mỗi bị cáo số tiền 20.000.000đồng sung vào Ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu bán phát mại sung ngân sách nhà nước 02 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 PRO Max màu đen, đã cũ thu giữ của Phạm Duy T và Nguyễn Thị N;

- Tịch thu tiêu hủy chiếc sim điện thoại số thuê bao 0394.268.274 và sim điện thoại số thuê bao 0346.201.000 thu giữ của Phạm Duy T và Nguyễn Thị N;

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ vật chứng bao gồm: 01 thùng bìa cát tông ký hiệu **A1** được niêm phong theo quy định bên trong có 196 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, đều không được lắp pin; 01 thùng bìa cát tông ký hiệu **A2** được niêm phong theo quy định bên trong có 197 chiếc pin nhãn hiệu NOKIA; 01 thùng bìa cát tông ký hiệu **A3** được niêm phong theo quy định bên trong có 48 chiếc sạc nhãn hiệu NOKIA; 01 thùng bìa cát tông ký hiệu **A4** được niêm phong theo quy định bên trong có 240 tờ bìa giấy được thiết kế để gấp thành hộp đựng điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA; 01 phong bì thư ký hiệu **A5** được niêm phong theo quy định bên trong có 01 Hóa đơn bán hàng; 01 thùng bìa cát tông ký hiệu **B1** được niêm phong theo quy định bên trong có 28 hộp giấy in nhãn hiệu NOKIA 105 Dual SIM, mỗi hộp đều chứa 01 điện thoại (không có pin), 01 sạc, 01 pin, đều in nhãn hiệu NOKIA; 01 thùng bìa cát tông ký hiệu **B2** được niêm phong theo quy định bên trong có 48 hộp giấy in nhãn hiệu NOKIA 106 Dual SIM, mỗi hộp đều chứa 01 điện thoại (không có pin), 01 sạc, 01 pin, đều in nhãn hiệu NOKIA; 01 thùng bìa cát tông ký hiệu **B3** được niêm phong theo quy định bên trong có 98 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, đều không được lắp pin; 01 thùng bìa cát tông ký hiệu **B4** được niêm phong theo quy định bên trong có 198 chiếc pin nhãn hiệu NOKIA; 01 thùng bìa cát tông ký hiệu **B5** được niêm phong theo quy định bên trong có 388 chiếc sạc nhãn hiệu NOKIA; 01 thùng bìa cát tông ghi chữ “**MẪU NHẬN LẠI SAU GIÁM ĐỊNH**” được niêm phong theo quy định, bên trong chứa các mẫu do Cơ quan giám định trả lại sau giám định;

Toàn bộ vật chứng của vụ án có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Phạm Duy T và Nguyễn Thị N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- CQTHAHS Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã L;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải